

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 40

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 7 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020
	Thành viên	từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 4 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Ông Hiroaki Yashiro	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đò Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61515942/21893673/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 7 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

ST
CÔ
T
ST
VIỆ
CHI
H
KI

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2020


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		145.050.897.167	166.400.256.595
110	I. Tiền	4	4.077.329.928	119.526.588
111	1. Tiền		4.077.329.928	119.526.588
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		138.102.455.486	162.193.365.110
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15.171.775.000	25.008.500.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.505.535.900	973.634.680
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	18.000.000.000	18.050.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	101.425.144.586	118.161.230.430
140	IV. Hàng tồn kho		159.524.400	293.114.400
141	1. Hàng tồn kho		159.524.400	293.114.400
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.711.587.353	3.794.250.497
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.069.806.321	3.409.753.887
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		618.620.763	384.496.610
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu		23.160.269	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.303.374.524.698	2.379.049.262.372
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		17.048.283.204	17.403.341.778
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	17.048.283.204	17.403.341.778
220	II. Tài sản cố định		2.475.121.052	2.065.193.241
221	1. Tài sản cố định hữu hình		2.392.083.753	2.027.998.788
222	Nguyên giá		3.129.028.638	2.564.420.638
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(736.944.885)	(536.421.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình		83.037.299	37.194.453
228	Nguyên giá		117.198.200	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.160.901)	(22.805.547)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	8	2.256.321.758.505	2.331.223.511.930
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.191.938.950.950	2.251.840.704.375
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		56.156.907.555	71.156.907.555
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.225.900.000	8.225.900.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		27.529.361.937	28.357.215.423
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.889.531.937	2.717.385.423
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	25.639.830.000	25.639.830.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.448.425.421.865	2.545.449.518.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		519.603.364.295	625.942.291.054
310	I. Nợ ngắn hạn		100.038.873.457	124.509.176.296
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	1.248.565.254	23.802.856.500
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	500.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	163.017.480
314	4. Phải trả người lao động		1.155.781.595	2.244.576.191
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	7.881.139.725	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		744.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12	8.501.382.368	16.495.498.101
320	8. Vay ngắn hạn	13	80.508.004.517	81.303.228.024
330	II. Nợ dài hạn		419.564.490.838	501.433.114.753
338	1. Vay dài hạn	13	419.564.490.838	501.433.114.753
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.928.822.057.570	1.919.507.227.913
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.928.822.057.570	1.919.507.227.913
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.423.773.390.000	1.423.773.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.282.624.590.000	1.282.624.590.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		141.148.800.000	141.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		485.501.289.100	485.506.089.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.547.378.470	10.227.748.813
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế) đến cuối kỳ trước		10.227.748.813	(17.074.502.212)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.319.629.657	27.302.251.025
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.448.425.421.663	2.545.449.518.967


 Hồ Thị Hòa
 Người lập kiêm Kế toán trưởng


 Phạm Thị Thùy Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.1	13.547.772.954	94.418.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	15.1	13.547.772.954	94.418.184
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	16	(11.947.469.723)	-
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		1.600.303.231	94.418.184
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	51.751.612.329	56.523.289.186
22	7. Chi phí tài chính	17	(18.969.872.923)	(21.623.446.507)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(18.969.139.723)	(21.619.507.507)
25	8. Chi phí bán hàng		(50.000.089)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(21.423.307.452)	(29.049.479.408)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.908.735.096	5.944.781.455
31	10. Thu nhập khác		1.871.775.000	691.010.662
32	11. Chi phí khác		-	(669.099.102)
40	12. Lợi nhuận khác		1.871.775.000	21.911.560
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		14.780.510.096	5.966.693.015
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.780.510.096	5.966.693.015


 Hồ Thị Hòe
 Người lập kiêm Kế toán Trưởng


 Phạm Văn Huy Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		14.780.510.096	5.966.693.015
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		211.878.389	158.568.298
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(51.691.625.699)	(56.523.289.186)
06	Chi phí lãi vay	17	18.969.139.723	21.619.507.507
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.730.097.491)	(28.778.520.366)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.401.335.819	(5.717.727.217)
10	Giảm hàng tồn kho		133.590.000	946.819.927
11	Giảm các khoản phải trả		(41.267.762)	(739.146.452)
12	Tăng chi phí trả trước		2.167.801.052	246.145.142
14	Tiền lãi vay đã trả		(14.464.934.793)	(6.046.963.854)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(19.533.573.175)	(40.089.392.820)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(621.806.200)	(121.186.365)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(51.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.000.000	38.280.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.142.816.500)	(506.642.207.624)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		129.142.202.014	104.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.188.525.067	5.491.404.486
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		111.616.104.381	(409.991.989.503)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	6.500.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		288.881.460.023	537.146.683.395
34	Tiền trả nợ gốc vay		(371.545.307.450)	(87.554.915.520)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.460.880.439)	(5.399.719.391)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(88.124.727.866)	450.692.047.970
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.957.803.340	610.606.655
60	Tiền đầu kỳ		119.526.588	6.875.527.583
70	Tiền cuối kỳ	4	4.077.329.928	7.486.193.233


 Hồ Thị Hòe
 Người lập kiêm Kế toán trưởng




 Phạm Thị Cường
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 7 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 98 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”) (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48,08	48,08	Mua bán máy móc vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (**)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	31,78	64,77	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48,08	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,23	92,00	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd ("Công ty An Thành Singapore") (**)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	31,78	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	36,48	99,37	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (**)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	22,24	70	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội	55,17	55,17	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu
9	Công ty Cổ phần An Trung Industries ("Công ty An Trung") (**)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (**)	Thôn Hào, Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	55,17	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (**)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

(*) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua việc nắm giữ 48,08% (trong kỳ và tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2020) quyền biểu quyết trong Công ty Nhựa An Phát Xanh và có 4/5 thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

(**) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Phương tiện vận tải	8 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

CÔNG TY
HỖ
TRỢ
VAI
TRÒ
ĐI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định Công ty chỉ có một (1) bộ phận chính cần báo cáo là hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động bán hàng diễn ra không thường xuyên trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, do đó lựa chọn không trình bày thuyết minh thông tin theo bộ phận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền mặt	29.978.400	34.811.830
Tiền gửi ngân hàng	4.047.351.528	84.714.758
TỔNG CỘNG	4.077.329.928	119.526.588

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Đối tác doanh nghiệp số 1 (i)	13.300.000.000	-
Công ty Gulf Polymers Distribution	1.871.775.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	-	15.218.500.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	-	5.830.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam	-	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Xơ sợi Tổng hợp An Sơn	-	220.000.000
TỔNG CỘNG	15.171.775.000	25.008.500.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ các đối tượng khác</i>	<i>15.171.775.000</i>	<i>21.268.500.000</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>-</i>	<i>3.740.000.000</i>

(i) Đây là khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Nguyễn Thị Hồng Bích (i)	9.000.000.000	9.000.000.000
Nguyễn Cao Đại (ii)	9.000.000.000	9.000.000.000
Phạm Văn Thắng	-	50.000.000
TỔNG CỘNG	18.000.000.000	18.050.000.000

(i) Đây là các khoản cho Bà Nguyễn Thị Hồng Bích vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 12 năm 2020 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Đây là các khoản cho Ông Nguyễn Cao Đại vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 12 năm 2020 và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Đặt cọc mua cổ phần (i)	70.818.357.682	-	103.310.559.696	-
Cổ tức phải thu (ii)	12.812.394.200	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	11.707.697.991	-	4.146.734.958	-
Lãi cho vay và lãi đặt cọc phải thu	2.688.991.404	-	10.492.752.523	-
Phải thu khác	3.397.703.309	-	211.183.253	-
TỔNG CỘNG	101.425.144.586	-	118.161.230.430	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>79.218.411.052</i>	<i>-</i>	<i>115.572.556.727</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>22.206.733.534</i>	<i>-</i>	<i>2.588.673.703</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (iii)	16.182.142.846	-	16.428.571.420	-
Ký quỹ, ký cược	866.140.358	-	974.770.358	-
TỔNG CỘNG	17.048.283.204	-	17.403.341.778	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>17.048.283.204</i>	<i>-</i>	<i>17.403.341.778</i>	<i>-</i>

- (i) Bao gồm các khoản đặt cọc cho một số cá nhân theo các thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các hợp đồng đặt cọc này đã được thanh lý và hưởng lãi suất 6,5%/năm tính từ ngày đặt cọc. Các khoản phải thu này được cầm cố bằng một số cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội được nắm giữ bởi các cá nhân nhận đặt cọc này.
- (ii) Bao gồm cổ tức được chia từ Công ty Nhựa Hà Nội, công ty con, và Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh, công ty liên kết, theo các nghị quyết chi trả cổ tức của các công ty này.
- (iii) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ năm giữ trục tiếp	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ năm giữ trục tiếp	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		2.191.938.950.950				2.251.840.704.375		
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (ii) (iii)	48,08%	1.678.241.729.280	-	991.782.841.500	48,08%	1.678.241.729.280	-	1.045.281.501.000
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii) (iii)	55,17%	506.263.390.236	-	831.250.000.000	55,17%	506.263.390.236	-	855.000.000.000
- Công ty An Thành (iv)	-	-	-	-	26,04%	41.500.000.000	-	(i)
- Công ty An Tín (v)	-	-	-	-	19%	18.401.753.425	-	(i)
- Công ty An Tiến (ii) (iii)	1,23%	7.433.831.434	-	4.406.898.000	1,23%	7.433.831.434	-	3.279.552.000
Đầu tư vào công ty liên kết		56.156.907.555				71.156.907.555		
- Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (ii)	24,54%	56.156.907.555	-	38.644.599.000	24,54%	56.156.907.555	-	29.443.504.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt ("Công ty Navisoft") (vi)	-	-	-	-	50%	15.000.000.000	-	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác		8.225.900.000				8.225.900.000		
- Công ty An Vinh	1,22%	5.225.900.000	-	(i)	1,31%	5.225.900.000	-	(i)
- Công ty An Cường	1,03%	1.500.000.000	-	(i)	1,03%	1.500.000.000	-	(i)
- Công ty An Phát Finance	15%	1.500.000.000	-	(i)	15%	1.500.000.000	-	(i)
TỔNG CỘNG		2.256.321.758.505				2.331.223.511.930		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh, Công ty Nhựa Hà Nội, Công ty An Tiến và Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, và do đó, Công ty không trích lập dự phòng.

- (iii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 22.
- (iv) Vào ngày 19 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 4.150.000 cổ phần, tương đương với 26,04% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty An Thành cho Công ty Nhựa An Phát Xanh với giá phí chuyển nhượng là 58,1 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 16,6 tỷ VND được trình bày tại chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).
- (v) Vào ngày 2 tháng 4 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 1.900.000 cổ phần, tương đương với 19% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty An Tín cho Công ty An Tiến với giá phí chuyển nhượng là 21,85 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 3,45 tỷ VND được trình bày tại chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).
- (vi) Vào ngày 25 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ 1.500.000 cổ phần, tương đương với 50% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Navisoft cho đối tác doanh nghiệp số 1 với giá phí chuyển nhượng là 30 tỷ VND. Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần này là 15 tỷ VND được trình bày ở chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh số 15.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Số dư cuối kỳ là giá trị của 4.000 chứng quyền được Công ty mua trong tháng 11 năm 2019 từ các đối tác doanh nghiệp. Đây là các chứng quyền do Công ty Nhựa An Phát Xanh (mã cổ phiếu: AAA), công ty con, đã phát hành vào tháng 11 năm 2018, có thời hạn 3 năm. Công ty sẽ được chuyển đổi từ chứng quyền sang cổ phiếu với tỷ lệ là 1 chứng quyền sẽ được quyền chuyển đổi thành 10.000 cổ phiếu AAA vào một trong bốn đợt lần lượt là 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng và 30 tháng kể từ ngày phát hành. Giá mua một cổ phần khi thực hiện chứng quyền là 14.000 VND và được điều chỉnh để chống pha loãng.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	862.115.914	23.421.979.834
<i>Một đối tác doanh nghiệp</i>	-	22.947.838.500
<i>Khác</i>	862.115.914	474.141.334
Phải trả bên liên quan ngắn hạn <i>(Thuyết minh số 21)</i>	386.449.340	380.876.666
TỔNG CỘNG	1.248.565.254	23.802.856.500

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lãi vay phải trả	7.881.139.725	-
TỔNG CỘNG	7.881.139.725	-

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Lãi vay phải trả	6.373.041.242	9.749.976.037
Cổ tức phải trả	1.508.165.260	1.508.165.260
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư	-	5.209.978.000
Phải trả ngắn hạn khác	620.175.864	27.378.804
TỔNG CỘNG	8.501.382.366	16.495.498.101
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	6.373.041.242	7.531.080.146
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	2.128.341.124	8.964.417.955

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.1)	48.283.872.952	48.283.872.952	39.122.768.601	(34.532.328.458)	52.874.313.095	52.874.313.095	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2)	26.019.355.072	26.019.355.072	23.433.691.422	(26.019.355.072)	23.433.691.422	23.433.691.422	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	7.000.000.000	7.000.000.000	4.600.000.000	(7.400.000.000)	4.200.000.000	4.200.000.000	
TỔNG CỘNG	81.303.228.024	81.303.228.024	67.156.460.023	(67.951.683.530)	80.508.004.517	80.508.004.517	
Vay dài hạn							
Vay đối tượng khác	280.600.000.000	280.600.000.000	6.700.000.000	(287.300.000.000)	-	-	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.3)	833.114.758	833.114.758	-	(118.623.920)	714.490.838	714.490.838	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21)	30.000.000.000	30.000.000.000	253.830.000.000	(54.980.000.000)	228.850.000.000	228.850.000.000	
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.4)	190.000.000.000	190.000.000.000	-	-	190.000.000.000	190.000.000.000	
TỔNG CỘNG	501.433.114.758	501.433.114.758	260.530.000.000	(342.398.623.920)	419.564.490.838	419.564.490.838	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay margin từ các công ty chứng khoán theo các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đáo hạn từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2020, với lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là danh mục một số cổ phiếu của một số công ty con, bao gồm 5.988.490 cổ phiếu AAA và 700.000 cổ phiếu NHH. Khoản vay còn lại có giá trị 4.700.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 9 năm 2020 với lãi suất 8,5%/năm.

13.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2020 với lãi suất từ 7% đến 8%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 9,67 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một sổ tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng của một công ty con với trị giá 10,7 tỷ VND, khoản vay còn lại có tài sản đảm bảo là 2.300.000 cổ phiếu HII thuộc sở hữu của Công ty.

13.3 Vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 7 năm 2023, với lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 1,3 tỷ VND.

13.4 Trái phiếu phát hành

Số dư cuối kỳ bao gồm 1.900 trái phiếu phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND không có tài sản đảm bảo cho một đối tác doanh nghiệp theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu đáo hạn vào tháng 6 năm 2022, với lãi suất 8%/năm.

302-
NG T
NHH
& Y
T N,
NHÁ
A N C
EM

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(17.074.502.212)	1.540.284.197.788
- Tăng vốn trong kỳ	87.275.510.000	130.913.269.100	-	218.188.779.100
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.966.693.015	5.966.693.015
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(5.399.719.891)	(5.399.719.891)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.370.218.990.000	405.328.489.100	(16.507.529.088)	1.759.039.950.012
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.423.773.390.000	485.506.089.100	10.227.748.813	1.919.507.227.913
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	14.780.510.096	14.780.510.096
- Chia cổ tức cho cổ đông năm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(5.460.880.439)	(5.460.880.439)
- Giảm khác	-	(4.800.000)	-	(4.800.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.423.773.390.000	485.501.289.100	19.547.378.470	1.928.822.057.570

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
	Tổng cộng	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi	Tổng cộng	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi
Công ty TNHH IGG USA Việt Nam	52.000.000	52.000.000	-	52.000.000	52.000.000	-
Nguyễn Thị Tiệp	1.500.000	1.500.000	-	29.932.991	29.932.991	-
KB Securities Co., Ltd. (*)	14.114.880	-	14.114.880	14.114.880	-	14.114.880
Các cổ đông khác	74.762.459	74.762.459	-	46.329.468	46.329.468	-
TỔNG CỘNG	142.377.339	128.262.459	14.114.880	142.377.339	128.262.459	14.114.880

(*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty TNHH Chứng khoán KB ("KB") đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi có tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi có tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi có tức có quyền hoàn đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi</i>	5.460.880.439	5.399.719.891

14.4 Cổ phần

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Cổ phần đăng ký phát hành				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đã bán ra công chúng				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
Cổ phần đang lưu hành				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	128.262.459	1.282.624.590.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phần).

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng doanh thu	13.547.772.954	94.418.184
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	8.594.682.045	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.953.090.909	94.418.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	13.547.772.954	94.418.184
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	12.636.182.954	94.418.184
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	911.590.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (<i>Thuyết minh số 8</i>)	35.048.246.575	49.225.900.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.812.394.200	3.443.262.800
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.284.763.948	2.865.256.960
Doanh thu hoạt động tài chính khác	606.207.606	988.869.426
TỔNG CỘNG	51.751.612.329	56.523.289.186

16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.218.282.933	-
Giá vốn hàng bán	7.729.186.790	-
TỔNG CỘNG	11.947.469.723	-

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	18.969.139.723	21.619.507.507
Chi phí tài chính khác	733.200	3.939.000
TỔNG CỘNG	18.969.872.923	21.623.446.507

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên quản lý	7.618.138.370	17.178.543.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.489.503.591	7.686.018.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	211.878.389	158.568.298
Chi phí bằng tiền khác	2.103.787.102	4.026.348.872
TỔNG CỘNG	21.423.307.452	29.049.479.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên	11.836.421.303	17.178.543.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.489.503.591	7.686.018.626
Chi phí khấu hao và hao mòn	211.878.389	158.568.298
Chi phí bằng tiền khác	2.153.787.191	4.026.348.872
TỔNG CỘNG	25.691.590.474	29.049.479.408

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.780.510.096	5.966.693.015
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.956.102.019	1.193.338.603
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	168.729.137	90.294.213
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	1.408.575.799	(886.426.445)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(2.671.723.035)	-
Chuyển lỗ năm trước	(1.861.683.920)	(397.206.371)
Chi phí thuế TNDN	-	-

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2020	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2020
2017	2022	758.181.935	(758.181.935)	-	-
2018	2023	23.779.195.606	(8.550.237.665)	-	15.228.957.941
2019	2024	2.458.825.950	-	-	2.458.825.950
TỔNG CỘNG		26.996.203.491	(9.308.419.600)	-	17.687.783.891

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Đi vay	-	7.000.000.000
		Trả gốc vay	-	7.500.000.000
		Chuyển nhượng vốn	58.100.000.000	-
		Thu tiền chuyển nhượng vốn	58.100.000.000	-
Công ty An Thành	Công ty con	Chi phí lãi vay	4.396.653.970	3.293.823.107
		Nhận chuyển nhượng vốn	-	80.000.000.000
		Thanh toán chuyển nhượng vốn	-	80.000.000.000
		Đi vay	113.700.000.000	174.000.000.000
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Trả gốc vay	55.180.000.000	157.000.000.000
		Cho vay	-	3.000.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	-	3.700.000.000
		Đi vay	60.580.000.000	40.000.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Trả gốc vay	1.200.000.000	10.000.000.000
		Đi vay	84.150.000.000	-
		Chi phí lãi vay	2.563.452.201	-
		Chuyển nhượng vốn	21.850.000.000	-
Công ty An Tiến Industries	Công ty con	Thu tiền chuyển nhượng vốn	21.850.000.000	-
		Chuyển nhượng vốn	-	104.000.000.000
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Đi vay	-	16.300.000.000
		Cổ tức được chia	9.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	3.312.394.200	-
Công ty Navisoft	Công ty liên kết (đến ngày 25 tháng 6 năm 2020)	Đi vay	-	6.000.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.246.100.000	4.074.418.914
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.520.200.000	3.783.348.000
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Chuyển đổi khoản vay thành vốn góp	-	211.688.779.100
		Nhận vốn góp trong kỳ	-	-
		Tạm ứng	2.215.610.315	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.469.374.320	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay, đặt cọc và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty VMC	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	3.740.000.000
			<u>-</u>	<u>3.740.000.000</u>
Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Cổ tức phải thu	9.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức phải thu	3.312.394.200	-
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.893.024.498	1.399.831.648
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.250.610.315	35.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.236.224.320	-
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.014.480.201	1.153.842.055
			<u>22.206.733.534</u>	<u>2.588.673.703</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua dịch vụ	342.000.000	357.000.000
Công ty An Thành	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa	44.304.140	23.876.666
Công ty An Tiến	Công ty con	Phải trả mua dịch vụ	145.200	-
			<u>386.449.340</u>	<u>380.876.666</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty An Tín	Công ty con	Người mua trả trước	-	500.000.000
			<u>-</u>	<u>500.000.000</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Phải trả lãi vay	2.213.452.201	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Phải trả lãi vay	569.704.933	-
Công ty An Thành	Công ty con	Phải trả lãi vay	3.589.884.108	2.760.655.489
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Phải trả lãi vay	-	4.528.452.055
Các bên liên quan khác		Khác	-	241.972.602
			<u>6.373.041.242</u>	<u>7.531.080.146</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13) (*)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay ngắn hạn	4.200.000.000	1.000.000.000
Công ty Navisoft	Công ty liên kết đến ngày 25 tháng 6 năm 2020	Vay ngắn hạn	-	6.000.000.000
			4.200.000.000	7.000.000.000
Vay dài hạn (Thuyết minh số 13) (*)				
Công ty An Thành	Công ty con	Vay dài hạn	85.320.000.000	30.000.000.000
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	84.150.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Vay dài hạn	59.380.000.000	-
			228.850.000.000	30.000.000.000

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn các bên liên quan:

<i>Công ty</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Vay ngắn hạn				
Công ty An Thành	4.200.000.000	Tháng 11 năm 2020	7,0%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	4.200.000.000			
Vay dài hạn				
Công ty An Thành	85.320.000.000	Tháng 2 và tháng 3 năm 2022	8,5%	Tin chấp
Công ty An Phát Complex	59.380.000.000	Tháng 2 và tháng 5 năm 2022	8,5%	Tin chấp
Công ty An Phát Complex 1	84.150.000.000	Tháng 2 năm 2022	8,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	228.850.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Tổng thu nhập	1.815.266.548	2.301.686.296
TỔNG CỘNG	<u>1.815.266.548</u>	<u>2.301.686.296</u>

22. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Đến 1 năm	4.708.196.032	4.708.196.032
TỔNG CỘNG	<u>4.708.196.032</u>	<u>4.708.196.032</u>

Cam kết khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, theo điều khoản của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, phí khai thác cố định hàng tháng mà Công ty nhận được vào khoảng 205 triệu đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty đã thế chấp 31.000.000 cổ phần, tương đương 18,11% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con, được nắm giữ bởi Công ty cho các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Ngoại tệ các loại		
Won Hàn Quốc (KRW)	-	239.000
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Dirham (DIR)	1.680	1.690

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành khoản trái phiếu hoán đổi với giá trị là 260 tỷ VND có thời gian đáo hạn vào năm 2023. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền hoán đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty Nhựa An Phát Xanh (mã chứng khoán: AAA) và cổ phần phổ thông của Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán: NHH) theo mức giá hoán đổi và điều kiện hoán đổi được quy định trong hợp đồng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, Công ty đã thực hiện đấu giá cổ phần thành công cho 4.300.000 cổ phần với tổng giá trị phát hành thu được là 215,1 tỷ VND. Trong tháng 7 năm 2020, Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 060701/2020/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành cổ phần ra công chúng. Qua đó, vốn cổ phần sau khi phát hành của Công ty là 1.466,8 tỷ VND.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 383/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Tháng 7 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng 1.000 chứng quyền phát hành bởi Công ty An Phát Xanh, công ty con, thông qua hình thức chuyển nhượng chứng quyền qua thành viên lưu ký cho một số đối tác doanh nghiệp. Sau đó, vào ngày 16 tháng 7 năm 2020, Công ty Nhựa An Phát Xanh đã phát hành 40 triệu cổ phần để thực hiện chứng quyền, trong đó, Công ty đã mua thêm 30 triệu cổ phần, tương ứng với quyền mua từ 3.000 chứng quyền. Sau các giao dịch này, Công ty nắm giữ 112.305.630 cổ phần, tương đương với 53,18% tỷ lệ sở hữu, trong Công ty Nhựa An Phát Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hồ Thị Hòe
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đờ Huy Cường
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 27 tháng 8 năm 2020

